

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT



MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban lãnh đạo	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 33
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>6 – 09</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024</i>	<i>10</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024</i>	<i>11 – 12</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2024</i>	<i>13 – 33</i>



BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tổng công ty Chè Nghệ An được chuyển đổi từ Công ty TNHH 100% vốn Nhà nước theo Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 06 tháng 07 năm 2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Chè Nghệ An thành Công ty cổ phần. Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900326223 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, thay đổi lần thứ 03 ngày 14 tháng 04 năm 2022.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 03: 34.155.550.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.
Điện thoại : 0238 385 1170
Fax : 0238 385 1242
Mã số thuế : 2900326223

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 33).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán Công ty chưa có phê duyệt quyết toán tài chính và quyết định công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty Cổ phần. Công ty vẫn đang làm việc với cơ quan chức năng để thực hiện phê duyệt các quyết toán nêu trên.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đức Thắng	Chủ tịch
Ông Trịnh Xuân Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Trường	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trịnh Xuân Thắng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Quyết	Trưởng Ban
Ông Trần Minh Phúc	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Thắng	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công bố trách nhiệm của Ban Lãnh đạo đối với báo cáo tài chính

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Nghệ An, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Lãnh đạo,
Chủ tịch Hội đồng quản trị


Nguyễn Đức Thắng

Số : 3112.02/2024/BCTC-NTV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo
Công ty Cổ phần Tổng công ty Chè Nghệ An**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo Công ty Cổ phần Tổng công ty Chè Nghệ An, được lập ngày 18 tháng 03 năm 2025 từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Tổng công ty Chè Nghệ An chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 6 Nguyễn Công Hoan,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

[T] (84-24) 3761 3399
[W] [www.vpaudit.vn](http://vpaudit.vn)

4

Chi nhánh tại Hà Nội:
Số 12 Phố Mê Linh, P. Mê Linh, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:
98 Vũ Tông Phan, P. An Phú, Q. 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận với toàn bộ số dư “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, “Trả trước cho người bán ngắn hạn”, “Phải thu ngắn hạn khác”, “Phải trả người bán ngắn hạn”, “Người mua trả tiền trước ngắn hạn” tại thời điểm 31/12/2024. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu, đầy đủ của các khoản công nợ phải thu chưa được xác nhận nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính của Công ty năm 2024.

- Tại ngày 31/12/2024, số dư nợ phải thu quá hạn thanh toán là 13.068.168.666 VND, đây là các khoản công nợ phải thu chưa được Công ty xem xét trích lập dự phòng. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi của các khoản phải thu quá hạn nêu trên. Do đó chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập bỗ sung dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục liên quan hay không.

- Công ty ghi nhận thiểu khâu hao Tài sản cố định, phân bổ thiểu chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn lần lượt là 13.904.750.719 VND, 991.228.694 VND, 1.432.341.529 VND, dẫn đến khoản mục “Tài sản cố định hữu hình” (Mã số 221) và khoản mục “Chi phí trả trước ngắn hạn” (Mã số 151), “Chi phí trả trước dài hạn” (Mã số 151) trên bảng cân đối kế toán đang được ghi nhận quá số tiền tương ứng. “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (Mã số 421) ghi nhận thiểu 16.328.320.942 VND. Đồng thời, trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024, chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán” được ghi nhận thiểu 3.675.645.239 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng công ty Chè Nghệ An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

- Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo đến phần chênh lệch khoản lãi vay phải trả giữa số liệu công ty theo dõi với thông báo của Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An. Đây là khoản nợ phát sinh từ trước khi Cổ phần hóa, Công ty đang làm việc với Sở tài chính và Ngân hàng để được xóa nợ khoản lãi vay này (Chi tiết Thuyết minh V.14). Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

- Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán Công ty chưa có phê duyệt quyết toán tài chính và quyết định công bố giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần (14/04/2022). (Chi tiết Thuyết minh VII.5).

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNDKHKT số: 1690-2023-124-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Văn Tân

GCNDKHKT số: 5348-2025-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.070.803.571	17.998.818.118
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.851.316.790	5.060.792.693
1. Tiền	111		2.251.316.790	1.760.792.693
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.600.000.000	3.300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.840.944.344	6.231.294.226
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	323.809.503	583.714.103
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	489.962.987	616.362.987
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	11.926.312.737	4.926.205.811
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiêu chò xử lý	139		100.859.117	105.011.325
IV. Hàng tồn kho	140		6.379.313.743	5.547.117.094
1. Hàng tồn kho	141	V.5	6.379.313.743	5.547.117.094
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		999.228.694	1.159.614.105
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	991.228.694	1.041.375.775
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	8.000.000	118.238.330
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.199.348.405	31.832.697.557
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.134.630.167	1.134.630.167
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.134.630.167	1.134.630.167
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	
II. Tài sản cố định	220		29.517.521.709	29.137.401.280
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	29.517.521.709	29.137.401.280
<i>Nguyên giá</i>	222		89.495.304.332	88.442.394.621
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(59.977.782.623)	(59.304.993.341)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	
<i>Nguyên giá</i>	225		-	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	
<i>Nguyên giá</i>	228		-	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		89.255.000	89.255.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	89.255.000	89.255.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.457.941.529	1.471.411.110
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	1.457.941.529	1.471.411.110
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		57.270.151.976	49.831.515.675

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		28.138.959.585	19.478.370.820
I. Nợ ngắn hạn	310		28.138.959.585	19.478.370.820
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	2.263.989.735	2.121.107.147
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	252.253.106	254.531.759
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	8.760.792.283	45.437.130
4. Phải trả người lao động	314		452.402.477	142.202.315
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	2.127.798.814	2.127.798.814
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	11.429.683.087	11.935.253.572
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	2.852.040.083	2.852.040.083
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.131.192.391	30.353.144.855
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	29.131.192.391	30.353.144.855
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		34.155.550.000	34.155.550.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		34.155.550.000	34.155.550.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.024.357.609)	(3.802.405.145)
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		(3.802.405.145)	(2.936.042.909)
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(1.221.952.464)	(866.362.236)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431	V.16	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		57.270.151.976	49.831.515.675

Lập, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng

Ngô Thị Lan

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Đức Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	14.595.496.749	12.489.982.193
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		14.595.496.749	12.489.982.193
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	12.055.578.396	9.869.265.410
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.539.918.353	2.620.716.783
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	73.251.058	234.237.222
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.649.524	4.682.597
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	434.129.366	404.628.651
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.395.342.985	3.370.550.448
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.221.952.464)	(924.907.691)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	-	58.545.455
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	58.545.455
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.221.952.464)	(866.362.236)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(1.221.952.464)</u>	<u>(866.362.236)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>(358)</u>	<u>(254)</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>(358)</u>	<u>(254)</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng

Ngô Thị Lan

Lập ngày 18 tháng 03 năm 2025



Nguyễn Đức Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(1.221.952.464)	(866.362.236)
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		672.789.282	396.880.109
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.649.524	4.682.597
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(73.251.058)	(292.782.677)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(616.764.716)	(757.582.207)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.420.205.846)	(1.150.957.119)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(832.196.649)	4.879.430.353
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		8.660.588.765	(299.926.834)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		63.616.662	(380.312.294)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(112.332.625)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		500.000.000	406.250.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(500.000.000)	(1.105.878.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		855.038.216	1.478.691.274
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.137.142.488)	(1.491.444.200)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	64.400.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cố tức và lợi nhuận được chia	27		82.240.236	236.838.729
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(1.054.902.252)	(1.190.205.471)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(199.864.036)	288.485.803
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.060.792.693	4.771.436.472
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(9.611.867)	870.418
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	4.851.316.790	5.060.792.693

Lập, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng

Ngô Thị Lan



Nguyễn Đức Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần

2. Khái quát về công ty

Công ty Cổ phần Tổng công ty Chè Nghệ An được chuyển đổi từ Công ty TNHH 100% vốn Nhà nước theo Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 06 tháng 07 năm 2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Chè Nghệ An thành Công ty cổ phần. Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900326223 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, thay đổi lần thứ 03 ngày 14 tháng 04 năm 2022.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 03: 34.155.550.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Điện thoại : 0238 385 1170

Fax : 0238 385 1242

Mã số thuế : 2900326223

3. **Lĩnh vực kinh doanh** : Chế biến chè.

4. **Lĩnh vực kinh doanh** :

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Trồng, chăm sóc, chế biến, kinh doanh sản phẩm chè và các loại nông sản khác;
- Kinh doanh, dịch vụ máy móc, thiết bị, phụ tùng cho sản xuất chế biến chè và các loại nông sản khác;
- Ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ Khoa học kỹ thuật Nông – Công nghiệp về giống, trồng, chăm sóc, đầu tư thăm canh, chế biến, bảo quản,... để phát triển chè;
- Đầu tư, kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp.

5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

6. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**
Không có.

7. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Doanh nghiệp có 431 nhân viên đang làm việc. (Số đầu năm là 475 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Cấu trúc doanh nghiệp

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An – Xí nghiệp chế biến Dịch vụ Chè Hùng Sơn	Huyện Anh Sơn, Nghệ An
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An – Xí nghiệp chế biến Dịch vụ Chè Anh Sơn	Huyện Anh Sơn, Nghệ An
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An – Xí nghiệp chế biến Dịch vụ Chè Bãi Phủ	Huyện Anh Sơn, Nghệ An
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An – Xí nghiệp chế biến Dịch vụ Chè Hạnh Lâm	Huyện Thanh Chương, Nghệ An
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An – Xí nghiệp chế biến Dịch vụ Chè Thanh Mai	Huyện Thanh Chương, Nghệ An
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An – Xí nghiệp chế biến Dịch vụ Chè Ngọc Lâm	Huyện Thanh Chương, Nghệ An
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An – Xí nghiệp chế biến Dịch vụ Chè Con Cuông	Huyện Con Cuông, Nghệ An
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An – Xí nghiệp chế biến Dịch vụ Chè Vinh	Thành phố Vinh, Nghệ An

9. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC: Số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán đồng tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thắt được xác định một cách đáng tin cậy thì tồn thắt được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thắt có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tồn thắt để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình

A. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

B. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XDCBDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyên giao phần lớn rõ ràng và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở đòn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. **Đối** với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê mua bán; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí băng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyen.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bao lanh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phù, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1/.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÀNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	543.276.884	1.058.615.920
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.708.039.906	702.176.773
Các khoản tương đương tiền	2.600.000.000	3.300.000.000
Cộng	4.851.316.790	5.060.792.693

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	323.809.503	583.714.103
Công ty Cổ phần chè Kim Nhan	138.479.400	-
Công ty TNHH Chè biển trà Trân Nam Việt	-	507.384.000
Công ty Cổ phần Rồng Phương Đông Nghệ An	133.000.000	-
Các khách hàng khác	52.330.103	76.330.103
Cộng	323.809.503	583.714.103

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	489.962.987	616.362.987
Tổng đội Thanh niên Xung phong I	207.362.595	207.362.595
Các nhà cung cấp khác	282.600.392	409.000.392
Cộng	489.962.987	616.362.987

4. Phải thu ngắn hạn khác

a) Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	11.926.312.737	-	4.926.205.811	-
Phải thu lãi tròng chè	1.018.463.866	-	1.018.463.866	-
Phải thu Người lao động tiền bảo hiểm	147.949.571	-	168.069.476	-
Phải thu tiền vật tư thảm canh	596.436.819	-	596.436.819	-
Phải thu về cổ phần hóa	-	-	776.383.482	-
Tạm ứng	270.487.708	-	783.927.450	-
Lãi tiền gửi	6.381.918	-	15.371.096	-
Phải thu tiền thuê đất của người dân	8.558.969.500	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.327.623.355	-	1.567.553.622	-
Cộng	11.926.312.737	-	4.926.205.811	-

b) Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.134.630.167	-	1.134.630.167	-
Phải thu gốc vay tròng chè	1.134.630.167	-	1.134.630.167	-
Cộng	1.134.630.167	-	1.134.630.167	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.373.260.488	-	1.578.424.262	-
Công cụ, dụng cụ	113.192.931	-	154.293.999	-
Thành phẩm	4.892.860.324	-	3.814.398.833	-
Cộng	6.379.313.743	-	5.547.117.094	-

6. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa tài sản	89.277.107	89.277.107
Công cụ dụng cụ	217.748.423	267.895.504
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	684.203.164	684.203.164
Cộng	991.228.694	1.041.375.775

b. Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	360.927.100	363.107.904
Chi phí sửa chữa tài sản	630.635.703	630.635.703
Các chi phí trả trước dài hạn khác	466.378.726	477.667.503
Cộng	1.457.941.529	1.471.411.110

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Công
Nguyên giá				
Số đầu năm	34.216.225.059	48.475.865.974	5.750.303.588	88.442.394.621
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.009.658.660	-	-	1.009.658.660
Mua trong năm	-	43.251.051	-	43.251.051
Số cuối năm	35.225.883.719	48.519.117.025	5.750.303.588	89.495.304.332
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.981.121.628	13.894.733.230	3.473.865.935	23.349.720.793
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	20.514.321.097	33.902.375.313	4.888.296.931	59.304.993.341
Khấu hao trong năm	249.048.334	423.740.948	-	672.789.282
Số cuối năm	20.763.369.431	34.326.116.261	4.888.296.931	59.977.782.623
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	13.701.903.962	14.573.490.661	862.006.657	29.137.401.280
Số cuối năm	14.462.514.288	14.193.000.764	862.006.657	29.517.521.709

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Kết chuyển vào TSCD/BDS đầu tư trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	43.251.051	(43.251.051)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	89.255.000	1.009.658.660	(1.009.658.660)	89.255.000
Xây dựng sân, công, tường rào	-	1.009.658.660	(1.009.658.660)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	89.255.000	-	-	89.255.000
Cộng	89.255.000	1.052.909.711	(1.052.909.711)	89.255.000

9. Phai trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phai trả người bán ngắn hạn khác</i>	2.263.989.735	2.121.107.147
Ông Phan Bá Hiền	307.433.250	307.433.250
Ông Lê Tiến Mạnh	136.682.047	141.383.957
Các nhà cung cấp khác	1.819.874.438	1.672.289.940
Cộng	2.263.989.735	2.121.107.147

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	252.253.106	254.531.759
Sardar Qayum Ltd (Ismail Khan)	135.593.116	135.593.116
Các khách hàng khác	116.659.990	118.938.643
Cộng	252.253.106	254.531.759

11. Thuế và các khoản phai nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phai nộp	Phai thu	Số phai nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phai nộp	Phai thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	40.757.130	-	466.456.232	(310.160.579)	197.052.783	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.000.000	-	-	-	8.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	4.680.000	-	19.020.000	(18.930.000)	4.770.000	-
Tiền thuê đất	-	110.238.330	9.324.902.497	(655.694.667)	8.558.969.500	-
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	(11.000.000)	-	-
Cộng	45.437.130	118.238.330	9.821.378.729	(995.785.246)	8.760.792.283	8.000.000

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%, 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	<u>2.127.798.814</u>	<u>2.127.798.814</u>
Chi phí lãi vay phải trả	2.121.321.487	2.121.321.487
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.477.327	6.477.327
Cộng	<u>2.127.798.814</u>	<u>2.127.798.814</u>

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	12.416.991	-
Bảo hiểm xã hội	12.104.812	64.766.297
Phải trả về cổ phần hóa ^(*)	11.276.080.115	11.654.982.615
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	129.081.169	215.504.660
Cộng	<u>11.429.683.087</u>	<u>11.935.253.572</u>

(*) Bao gồm thặng dư tạm tính 10.988.482.615 VND và phải trả chi phí cổ phần hóa (Theo phương án được UBND tỉnh phê duyệt) 666.500.000 VND. Tại ngày 02/10/2024, Công ty có quyết định phê duyệt quyết toán chi phí cổ phần hóa số tiền 378.902.500 VND, quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động dôi dư số tiền 420.527.500 VND nhưng chưa có phê duyệt quyết toán tài chính và quyết định công bố giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần (14/04/2022).

14. Vay và nợ thuê tài chính

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	<u>2.852.040.083</u>	<u>2.852.040.083</u>
Số cuối năm	<u>2.852.040.083</u>	<u>2.852.040.083</u>

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An: thuộc nguồn vốn ODA Ấn Độ: Hợp đồng vay vốn số 95/TDNN ngày 01/04/2005 với tổng số tiền là 10.009.968 INR, Thời hạn vay là 9 năm; Lãi suất vay tại thời điểm vay là 5%/năm. Mục đích vay: Dùng để đầu tư thiết bị 89-90; Số dư gốc vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 10.009.968 INR, đơn vị ghi nhận trên sổ sách 2.852.040.083 VND. Công văn đề nghị số 1173/BTC-QLN ngày 23 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính và Công văn trả lời số 1975/VPCP-KTTH ngày 13 tháng 03 năm 2013 của Văn phòng Chính phủ đồng ý xóa nợ lãi (bao gồm cả lãi phạt) của khoản vay này, đồng thời chuyển sang nhận nợ gốc bằng VND với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, lãi suất 5,4%/năm, thời gian trả nợ 5 năm kể từ ngày 13 tháng 03 năm 2013. Tuy nhiên, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam vẫn thông báo và ghi nhận khoản nợ với Công ty bằng đồng INR vì cho rằng Công ty chưa đáp ứng được điều kiện và thủ tục theo yêu cầu nêu trong Công văn của Văn phòng Chính phủ. Công ty xác định khoản vay ODA là không có khả năng trả nợ do Công ty gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh, ngoài ra các tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn vay ODA là 2 dây chuyên thiết bị đã bị hoen rỉ, hư hỏng nặng, hầu hết đã được tháo rờ bảo quản trên nền xưởng hoặc ở trong kho (Tài sản đã được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An thẩm định, đánh giá thực trạng vào năm 2011).

Công ty hiện đang ghi nhận phần chi phí lãi vay phải trả của món vay này cho giai đoạn từ ngày 14/03/2013 đến 31/12/2022 với số tiền 2.121.321.487 VND (Phần chi phí Công ty đang ghi nhận không bao gồm lãi và các khoản phí quá hạn, phí phạt chậm nộp). Tuy nhiên, theo thông báo của Ngân hàng, tổng số lãi và các khoản phí liên quan đến khoản vay của Công ty đến 30/12/2024 là 39.182.353,82 INR tương đương 12.101.469.977,31 VND (tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2024 là 1 INR = 308,85 VND). Phần chênh lệch Công ty đang làm việc với Ngân hàng và các cơ quan chức năng để được xóa nợ toàn bộ hoặc một phần. Hiện vẫn chưa có quyết định cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về vấn đề này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	34.155.550.000	(2.755.502.976)	31.400.778.088
Lợi nhuận trong năm trước	-	(866.362.236)	(866.362.236)
Giảm khác	-	(180.539.933)	(180.539.933)
Số dư cuối năm trước	34.155.550.000	(3.802.405.145)	30.353.144.855
Số dư đầu năm nay	34.155.550.000	(3.802.405.145)	30.353.144.855
Lợi nhuận trong năm nay	-	(1.221.952.464)	(1.221.952.464)
Số dư cuối năm nay	34.155.550.000	(5.024.357.609)	29.131.192.391

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước (*)	17.419.330.000	51,00%	17.419.330.000	51,00%
Công ty TNHH Mía đường Nghệ An	9.439.910.000	27,64%	9.439.910.000	27,64%
Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An	3.451.810.000	10,11%	3.451.810.000	10,11%
Các cổ đông khác	3.844.500.000	11,25%	3.844.500.000	11,25%
Cộng	34.155.550.000	100,00%	34.155.550.000	100,00%

(*) Đại diện chủ sở hữu là UBND tỉnh Nghệ An.

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.415.555	3.415.555
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	3.415.555	3.415.555
- Cổ phiếu phổ thông	3.415.555	3.415.555
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.415.555	3.415.555
- Cổ phiếu phổ thông	3.415.555	3.415.555
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/.		

16. Nguồn kinh phí

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	699.628.000
Nguồn kinh phí được cấp	500.000.000	406.250.000
Chi sự nghiệp	(500.000.000)	(1.105.878.000)
Số cuối năm	-	-

17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	28.134,32	51,12

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán chè và dịch vụ khác	14.595.496.749	12.489.982.193
Cộng	14.595.496.749	12.489.982.193

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán chè và dịch vụ khác	12.055.578.396	9.869.265.410
Cộng	12.055.578.396	9.869.265.410

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	73.251.058	234.237.222
Cộng	73.251.058	234.237.222

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	5.649.524	4.682.597
Cộng	5.649.524	4.682.597

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	294.826.102	267.400.428
Các chi phí khác	139.303.264	137.228.223
Cộng	434.129.366	404.628.651

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.383.074.183	2.126.108.732
Chi phí vật liệu quản lý	55.639.701	165.633.176
Chi phí khấu hao tài sản cố định	250.136.482	223.208.909
Thuế, phí và lệ phí	63.526.803	421.209.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.000.000	9.073.721
Các chi phí khác	542.965.816	425.316.170
Cộng	3.395.342.985	3.370.550.448

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý	-	58.545.455
Cộng	-	58.545.455

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.221.952.464)	(866.362.236)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(1.221.952.464)	(866.362.236)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

9. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.221.952.464)	(866.362.236)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(1.221.952.464)	(866.362.236)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.415.555	3.415.555
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(358)	(254)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.415.555	3.415.555
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.415.555	3.415.555

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yêu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.693.173.685	4.605.807.396
Chi phí nhân công	3.317.013.123	2.524.324.762
Chi phí khấu hao tài sản cố định	672.789.282	396.880.109
Chi phí dịch vụ mua ngoài	919.136.650	597.411.236
Chi phí khác	1.361.399.498	1.092.358.633
Cộng	16.963.512.238	9.216.782.136

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và sở dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Lãnh đạo, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch phát sinh giữa Doanh nghiệp với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Nguyễn Đức Thắng	Chủ tịch HĐQT	218.800.000	237.300.000
Ông Trịnh Xuân Thắng	Tổng giám đốc	190.000.000	206.100.000
Bà Ngô Thị Lan	Kế toán trưởng	140.800.000	152.800.000
Ông Nguyễn Văn Quyết	Trưởng ban kiểm soát	143.200.000	132.900.000
Ông Nguyễn Duy Trường	Thành viên HĐQT	30.000.000	10.000.000
Ông Nguyễn Minh Phúc	Thành viên ban kiểm soát	20.000.000	5.000.000
Ông Nguyễn Huy Thắng	Thành viên ban kiểm soát	20.000.000	5.000.000
Cộng		762.800.000	749.100.000

2. Thông tin bộ phận

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ thực hiện sản xuất, buôn bán chè, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

B, Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra chủ yếu ở Nghệ An, chiếm phần lớn doanh thu. Việc kinh doanh ở các địa bàn khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong Hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cung cấp như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo Hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	2.852.040.083	-	-	2.852.040.083
Phải trả người bán	2.263.989.735	-	-	2.263.989.735
Các khoản phải trả khác	13.703.160.412	-	-	13.703.160.412
Cộng	18.819.190.230	-	-	18.819.190.230
Số đầu năm				
Vay và nợ	2.852.040.083	-	-	2.852.040.083
Phải trả người bán	2.121.107.147	-	-	2.121.107.147
Các khoản phải trả khác	14.205.254.701	-	-	14.205.254.701
Cộng	19.178.401.931	-	-	19.178.401.931

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.851.316.790	5.060.792.693	4.851.316.790	5.060.792.693
Phải thu khách hàng	323.809.503	583.714.103	323.809.503	583.714.103
Các khoản phải thu khác	12.855.078.055	6.165.847.303	12.855.078.055	6.165.847.303
Cộng	18.030.204.348	11.810.354.099	18.030.204.348	11.810.354.099
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	2.852.040.083	2.852.040.083	2.852.040.083	2.852.040.083
Phải trả người bán	2.263.989.735	2.121.107.147	2.263.989.735	2.121.107.147
Các khoản phải trả khác	13.703.160.412	14.205.254.701	13.703.160.412	14.205.254.701
Cộng	18.819.190.230	19.178.401.931	18.819.190.230	19.178.401.931

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

5. Các Sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán Công ty chưa có phê duyệt quyết toán tài chính và quyết định công bố giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần (14/04/2022). Công ty vẫn đang làm việc với cơ quan chức năng để thực hiện phê duyệt các quyết toán nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 376, đường Nguyễn Trãi, phường Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Ngô Thị Lan

Lập ngày 18 tháng 03 năm 2025

Chủ tịch HDQT



Nguyễn Đức Thắng